TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2026**/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/5/2026
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Kim Thoa**
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Biện Mỹ Linh
2. Bà Nguyễn Hồng Tươi
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Bà Huỳnh Thị Mai Hoa -** Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - An Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang: **Ông Lê Văn Chung** – Kiểm sát viên

Trong ngày **20** tháng **5** năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 95/2026/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc: *"Xin ly hôn",* theo định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- <u>Nguyên đơn</u>: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983
CCCD số: 083183002950 cấp ngày 07/10/2024
Nơi đăng ký thường trú: 303B Trương Định, ấp B, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

- <u>Bị đơn</u>: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1987
CCCD số: 072087001409 cấp ngày 04/10/2022
Nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã D, tỉnh Tây Ninh.
Địa chỉ hiện nay: Tổ A khu phố S, đặc khu P, tỉnh An Giang
(Bà T, ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện; B tự khai bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Vào đầu năm 2019, bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau. Đến năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình sống chung thời gian đầu, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau. Bà T và ông T1 đã cố gắng nhường nhịn để vợ chồng chung sống và nuôi con nhưng không thể hàn gắn được, dẫn đến bà T và ông T1 sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm của bà T và ông T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định sống chung với ông Nguyễn Văn T1 có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/7/2020. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T cam kết quá trình chung sống với ông T1 thì hai người không nợ ai và cũng không ai nợ hai người nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Tại tự khai ngày 20/4/2026, ông Nguyễn Văn T1 trình bày*:**

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Ngọc T tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau đến năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Quá trình sống chung thời gian đầu, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau. Ông T1 và bà T đã cố gắng nhường nhịn để vợ chồng chung sống và nuôi con nhưng không thể hàn gắn được, dẫn đến bà T và ông T1 sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm của ông T1 và bà T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 thì ông T1 đồng ý.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn T1 xác định sống chung với bà Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/7/2020. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung thì ông T1 đồng ý. Khi nào cháu N cần tiền thì ông T1 sẽ tự gửi tiền về để lo cho con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn có địa chỉ tại tổ A, khu phố S, đặc khu P, tỉnh An Giang. Căn cứ theo khoản khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 của Quốc hội và Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc T và bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T1.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào đầu năm 2019, bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau. Đến năm 2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy bà T, ông T1 thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau. Bà T và ông T1 đã cố gắng nhường nhịn để vợ chồng chung sống và nuôi con nhưng không thể hàn gắn được, dẫn đến bà T và ông T1 sống ly thân từ tháng 05/2025 đến nay. Xét tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và hai người cũng thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/7/2020. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng. Ông Nguyễn Văn T1 thống nhất để bà Nguyễn Ngọc T nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N và khi nào cháu N cần tiền thì ông T1 sẽ gửi tiền về nuôi chứ ông T1 không cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung; công nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí ly hôn, bà T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002387 ngày 30/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh nay được khấu trừ vào án phí, bà T đã thực hiện xong, ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng pháp luật:

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 của Quốc hội và Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/7/2020 cho bà Nguyễn Ngọc T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T1 có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích chung của con, Bà T và ông T1 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; công nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí, bà T đã nộp xong.

Án xử công khai, báo cho bà Nguyễn Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2 – An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; LưuVP.

TAND KHU VỰC 2
MTM200526.TL.QDBA
1181

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Thoa